

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022- 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	551	182	185	184
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	523(94.92%)	176 (96.70%)	173 (93.51%)	174 (94.57%)
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)	27(4.9%)	6 (3.30%)	11 (5.95%)	10 (5.43%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.18%)		1 (0.54%)	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)				
II	Số học sinh chia theo học lực	551	182	185	184
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	85 (15.43%)	27 (14.84%)	42(22.7%)	16 (8.7%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	235 (42.65%)	91 (50%)	78 (42.16%)	66 (35.87%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	224 (40.65%)	64 (35.16%)	65 (35.14%)	95 (51.63%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	7(1.27%)			7 (3.8%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)				
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	551	182	185	184
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	551(100%)	183(100%)	185(100%)	184(100%)

a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	85(15.43%)	27 (14.84%)	42(22.7%)	16 (8.7%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	235(42.65%)	91 (50%)	78 (42.16%)	66 (35.87%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	7(1.27%)	3(1.65%)	4(2.16%)	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	2 (0.36%)	2(1.09)%		
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2(0.36%)		1(0.54%)	1(0.54%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện	1(0.18%)		1(0.54%)	
2	Cấp tỉnh/thành phố	7(1.27%		4(2.16%)	3(1.63%)
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	184			184
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	184			184
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	167 (90.76%)			167

VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	246/305	77/105	79/106	90/94
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	4	3	1	

Tân Bình, ngày tháng năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thế Cường